

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 61/2018/HS-ST
Ngày: 06/9/2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Long.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Nhưường.

2. Ông Y Ngõa Niê.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Trần Thị Thúy Vành - Thư ký tòa án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*** Ông Lâm Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 55/2018/TLST-HS ngày 10 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57A/2018/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Minh T; Sinh năm: 1992 tại Đắk Lắk; Nơi cư trú: Thôn P, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn L sinh năm 1970 và con bà Lê Thị Lệ H sinh năm 1974; Tiền án, Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 06/11/2012 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 03 năm tù về tội cố ý gây thương tích. Bị cáo đương nhiên được xóa án tích, bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/5/2018 cho đến nay (Có mặt).

- ***Bị hại:*** Bà Lê Thị H, sinh năm 1974.

Nơi cư trú: Thôn P, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, Ng vụ liên quan đến vụ án:*

1/ Anh Cao Văn Việt H1, sinh năm: 1995 (Có mặt).

Nơi cư trú: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

2/ Anh Trương Minh Ng, sinh năm: 1994 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn P, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- *Người làm chứng:*

1/ Ông Nguyễn Văn L, sinh năm: 1970 (Có mặt).

2/ Anh Nguyễn Minh T1, sinh năm: 2004 (Có mặt).

- Đại diện hợp pháp cho anh Nguyễn Minh T1: Ông Nguyễn Văn L – bố ruột anh T1 (Có mặt).

3/ Anh Nguyễn Hữu Ng, sinh năm: 1995 (Vắng mặt).

Cùng nơi cư trú: Thôn P, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

4/ Anh Trần Quốc H2, sinh năm: 1992 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn P, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 12/12/2017, Nguyễn Minh T cầm xe mô tô biển số 47M1-530.05 (xe T mượn của Cao Văn Việt H1) cho bà Lê Thị H với số tiền 13.700.000 đồng và giao chìa khóa xe cho bà H. Do H1 đòi lại xe và không có tiền chuộc nên khoảng 14 giờ 30 phút ngày 15/12/2017, T nhờ Nguyễn Hữu Ng (bạn của T) đưa xe mô tô biển số 47M1-538.24 (xe đứng tên Trương Quang Ng) đến cầm cho bà H, nhưng bà H không cầm. Sau đó Ng trả xe lại cho T, T lấy xe mô tô đi đến trước sân và gọi bà H nhưng không có ai trả lời, T đi vào trong nhà kho bà H dắt xe mô tô biển số 47M1-530.05 đi ra. Khi T dắt xe ra đến gần quây tính tiền bà H thấy và nghĩ T trả tiền nên đi lại quây thì T dắt xe ra ngoài đường thì gặp Trần Quốc H2 (bạn T), T nhờ H2 dùng xe mô tô đẩy xe bỏ chạy. Thấy vậy, bà H giữ xe mô tô biển số 47M1-538.24 và báo Công an. Ngày 22/12/2017, Công an huyện Krông Pắc thu giữ xe mô tô biển số 47M1-530.05.

Tại Bản kết luận định giá tài sản, số 08/KL-ĐG ngày 16/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Krông Pắc kết luận: Xe mô tô biển số 47M1-530.05, trị giá là 30.500.0000 đồng (BL số 32).

Tại bản cáo trạng số 63/CT-VKS-HS ngày 10/8/2018 của Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk đã truy tố bị cáo Nguyễn Minh T về tội

“Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận có hành vi trộm cắp tài sản với các tình tiết như bản cáo trạng đã nêu, cụ thể là: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 15/12/2017, Nguyễn Minh T đến nhà bà Lê Thị H mục đích là để cầm cố xe mô tô Biển kiểm sát 47M-1538.24 cho bà H để lấy tiền chuộc lại xe mô tô BS 47M1-530.05 mà bị cáo đã cầm cho bà H trước đó. Khi đến nhà T gọi bà H nhưng không có ai trả lời, thấy nhà bà H không có ai ở nhà nên T nảy sinh ý định lấy chiếc xe mô tô BS 47M1-530.05 đang cầm cố cho bà H trước đó để trả cho Cao Văn Việt H1. T đi vào trong nhà dắt xe mô tô BS 47M1-530.05 ra ngoài, khi dắt xe ra T nhìn thấy bà H đang đứng ở quây thu tiền, sợ bà H không cho lấy xe nên T dắt xe đi ra ngoài đường thì gặp Trần Quốc H2 (bạn T), T nhờ H2 dùng xe mô tô đẩy xe bỏ chạy về nhà. Khi T vừa bỏ chạy thì bà H giữ chiếc xe Sirius biển số 47M1-538.24 và báo Công an xã E giải quyết.

Tại phiên tòa người bị hại bà Lê Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138, điểm g, p khoản 1 khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999. Đề nghị xử phạt bị cáo mức án từ 12 đến 18 tháng tù.

Các biện pháp tư pháp:

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b Khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Chấp nhận cơ quan Cảnh sát Điều tra công an huyện Krông Pắc trao trả xe mô tô biển số 47M1-530.05 và xe mô tô biển số 47M1-538.24 cho anh Cao Văn Việt H1 và anh Trương Quang Ng, là các chủ sở hữu.

- Về trách nhiệm dân sự: Bà Lê Thị H đã làm đơn bãi nại không yêu cầu gì thêm nên không đề cập giải quyết.

Bị cáo Nguyễn Minh T không có ý kiến tranh luận chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Các Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Krông Pắc, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc và hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, truy tố, điều tra thu thập chứng cứ vụ án đã thực hiện đúng theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo ý thức được rằng đối với chiếc xe mô tô biển số 47M1-530.05 bị cáo đã cầm cố cho bà H ngày 12/12/2018, do đó bà H là người đang có trách nhiệm quản lý chiếc xe này. Việc bị cáo đã lợi dụng việc sơ hở trong quản lý tài sản của bà H để lén lút để chiếm đoạt chiếc xe nói trên là vi phạm pháp luật. Hành vi của Nguyễn Minh T đã phạm vào tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Điều 138 của bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng, hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng, hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản, hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản chưa được xoá án tích mà còn vi phạm thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

Vận dụng điều luật nêu trên đối chiếu với hành vi phạm tội của bị cáo, HĐXX cần áp dụng mức hình phạt sao cho thoả đáng để vừa đề cao được tính nghiêm minh của pháp luật. Qua đó giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật và nhận thức được rằng tài sản của công dân luôn được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, do ý thức coi thường pháp luật bị cáo đã trộm cắp tài sản đang do bà H quản lý. Hành vi phạm tội của bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu, quản lý tài sản của người khác mà còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, gây hoang mang bất bình trong quần chúng nhân dân. Bị cáo có nhân thân xấu, ngày 06/11/2012 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 03 năm tù về tội cố ý gây thương tích, mặc dù đã được xoá án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm để tu dưỡng rèn luyện bản thân mà còn phạm tội. Vì vậy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, có điều kiện cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Xét về nhân thân bị cáo: Sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; Người bị hại bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên cần xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm

hình sự quy định tại điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[5] Các biện pháp tư pháp:

- Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên toà người bị hại bà Lê Thị H vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên không đề cập giải quyết.

- Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Pắc đã trả lại xe mô tô biển số 47M1-530.05 và xe mô tô biển số 47M1-538.24 cho anh Cao Văn Việt H1 và anh Trương Quang Ng, là các chủ sở hữu là đúng quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, buộc bị cáo Nguyễn Minh T phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[7] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc đề nghị về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, mức hình phạt và xử lý vật chứng của vụ án là có căn cứ nên chấp nhận toàn bộ quan điểm của đại diện Viện Kiểm Sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tuyên bố: bị cáo **Nguyễn Minh T** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Minh T 01 (Một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10 tháng 5 năm 2018.

Các biện pháp tư pháp:

- Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a, b Khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Pắc đã trả lại xe mô tô biển số 47M1-530.05 và xe mô tô biển số 47M1-538.24 cho anh Cao Văn Việt H1 và anh Trương Quang Ng.

- Về trách nhiệm dân sự: Bà Lê Thị H không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên không đề cập giải quyết.

- Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

Buộc bị cáo Nguyễn Minh T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại, người có quyền lợi, Ng vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I-TANDTC
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- T.H.A.H.S CA huyện Kc;
- CQ CSĐT CA huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện K;
- Đương sự;
- Bị cáo;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã Ký

Hoàng Long